

**NGHIÊN CỨU VÀ HỌC TẬP**

## KHÁI NIỆM, NGUỒN GỐC, ĐẶC ĐIỂM VÀ BẢN CHẤT QUYỀN CON NGƯỜI TRONG QUAN NIỆM CỦA CÁC NHÀ SÁNG LẬP CHỦ NGHĨA MÁC

**Nguyễn Thị Hồng Hạnh<sup>(\*)</sup>**

<sup>(\*)</sup> Thạc sĩ, Trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản, Bắc Ninh.

Email: ntbhanh@cdis.edu.vn

Nhận ngày 5 tháng 2 năm 2020. Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 4 năm 2020.

**Tóm tắt:** Tư tưởng về quyền con người đã có từ xa xưa trong lịch sử nhân loại, dưới các hình thức khác nhau và trong tất cả các nền văn hóa. Quyền con người là sản phẩm của các điều kiện và hoàn cảnh lịch sử cụ thể, phản ánh trình độ phát triển kinh tế, văn hóa của xã hội. Đồng thời, quyền con người cũng phản ánh quá trình đấu tranh của con người chống lại áp bức, bóc lột, bất công, giành lại quyền và lợi ích chính đáng cho con người. Tư tưởng về quyền con người đã có từ xa xưa trong lịch sử nhân loại, dưới các hình thức khác nhau và trong tất cả các nền văn hóa. Mặc dù không có tác phẩm chuyên biệt bàn về quyền con người, nhưng có thể nói, trong di sản lý luận của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác, ở đâu, chúng ta cũng thấy “bóng dáng” của quyền con người; bởi lẽ, mục đích của các ông là giải phóng con người khỏi những áp bức, bất công của xã hội đương thời, để con người giành lấy những quyền cơ bản của mình. Chính vì vậy, quan niệm của các ông về quyền con người, về giải phóng con người vẫn có ý nghĩa và giá trị trong thời đại ngày nay, là cơ sở lý luận để Đảng và Nhà nước ta kế thừa, phát triển trong việc xây dựng chính sách và đảm bảo quyền con người ở Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa:** Quyền con người, chủ nghĩa Mác, quan niệm của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác về quyền con người.

### 1. Về khái niệm quyền con người

Trong di sản lý luận của C.Mác và Ph.Ăngghen, chúng ta không tìm thấy những chuyên khảo, những tác phẩm riêng

bàn về quyền con người”, và cũng không thấy các ông đưa ra một định nghĩa có tính chất khái quát và trực tiếp nào về quyền con người. Song, thông qua các tác phẩm,

các luận điểm có liên quan, chúng ta có thể hiểu được quan niệm về quyền con người của các ông.

C.Mác và Ph.Ăngghen cho rằng, con người luôn tồn tại trong một xã hội nhất định, với những mối quan hệ. Trong những thời kỳ nhất định, giữa cá nhân và xã hội luôn có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, bởi “bản chất con người là tổng hoà các mối quan hệ xã hội”. Chính vì vậy, quyền của cá nhân, quyền của cộng đồng cũng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Quyền của cộng đồng là điều kiện cho quyền của cá nhân, quyền của cá nhân này là điều kiện cho quyền của cá nhân khác. Điều này nói lên rằng, quyền con người không chỉ được hình thành trên những điều kiện sản xuất vật chất của xã hội, mà còn phụ thuộc vào yếu tố xã hội, vào mối quan hệ giữa con người với con người trong xã hội. Những tư tưởng này thể hiện tư duy biện chứng duy vật của các ông khi luận giải về những điều kiện, tiền đề của quyền con người.

C.Mác và Ph.Ăngghen còn cho rằng, quyền con người luôn gắn với tự do, bình đẳng: “Tự do và bình đẳng phải được tuyên bố là những quyền của con người”<sup>1</sup>. Về tự do, các ông cho rằng, “thời kỳ không có tự do trong lịch sử thế giới đòi hỏi những pháp luật biểu hiện sự không tự do ấy, bởi vì cái quyền động vật ấy - khác với cái quyền của con người với tư cách là hiện thân của tự do - là hiện thân của sự không tự do”<sup>2</sup>. Bản thân sự tồn tại của con người đã chứng minh cho sự tự do; tự do

trong suy nghĩ, hành động, trong cái biến thể giới hiện thực để phục vụ cuộc sống; tự do gắn với con người và thuộc về con người. Để vượt qua những bất công, có được cơ hội phát triển năng lực và hiện thực hóa các quyền của mình, con người phải tự giải phóng, vượt qua sự lệ thuộc, sự mất tự do. Do vậy, quyền con người đồng nghĩa với tự do con người. Còn về bình đẳng, đó là sự bình đẳng về pháp lý, về quyền lợi chính trị, kinh tế, văn hóa giữa mọi thành viên trong xã hội, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, giai cấp... của các chủ thể.

Theo C.Mác và Ph.Ăngghen, quyền con người được thể hiện trong Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của Pháp năm 1789 và khi được luật pháp hóa vào nước Phổ, nó đã thể hiện sự vi phạm quyền của con người, vì đó là sự giới hạn, sự quy định trong hệ thống pháp luật, không thể hiện hết tập quán tự do của con người; trong khi đó, quyền con người được thể hiện theo tập quán tự do thì lại không được phản ánh trong hệ thống pháp luật. Pháp luật chỉ là những quy định tối thiểu để ghi nhận quyền con người và những quyền của con người cần được vượt ra khỏi khuôn khổ của luật pháp. Với những nhận xét này, các ông cho rằng, những quyền mà con người đang có được không phải do luật pháp mang lại: “Cho

<sup>1</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, t.20, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.152.

<sup>2</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Sdd.*, t.1, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.183.

tới nay, hầu như chưa nói gì đến những quyền của công dân; trong giới hạn của hiến pháp theo đúng nghĩa của nó thì cá nhân ở Anh không có quyền nào cả. Những quyền này tồn tại hoặc do tập quán, hoặc do những quy ước riêng biệt không dính dáng gì tới hiến pháp"<sup>3</sup>

Các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác cho rằng, quyền con người dành cho tất cả mọi người, ở mọi tầng lớp, giai cấp, mọi quốc gia, dân tộc, không có sự phân biệt đối xử. Đã là con người thì đều phải có quyền, không ai được cản trở mọi người thực hiện quyền của mình, kể cả những quyền đã được ghi nhận trong hệ thống pháp luật hay là những quyền chưa được ghi nhận nhưng thể hiện tính đúng đắn, khoa học và mang giá trị nhân văn, vì con người và cuộc sống của con người.

Chúng ta có thể khái quát quan niệm của C.Mác và Ph.Ăngghen về quyền con người như sau: *Quyền con người là những nhu cầu cần thiết, chính đáng và phổ biến của con người, trong mối quan hệ với tự nhiên và xã hội. Quyền con người được xã hội thừa nhận và không bị tước bỏ bởi bất cứ ai và bất cứ chính thể nào.*

Quan niệm về quyền con người của các ông thể hiện sự thông nhất biện chứng giữa hoạt động thực tiễn với tính lý luận và giá trị nhân văn; vừa khẳng định phẩm giá của con người, vừa thúc đẩy xã hội phát triển. Quan niệm đó về quyền con người đã thể hiện những nội dung cơ bản sau:

*Thứ nhất*, đề con người và xã hội loài người tồn tại và phát triển, con người cần

có những nhu cầu và thỏa mãn nhu cầu. Nhu cầu về vật chất, tinh thần, về sự khẳng định bản thân trước tự nhiên và xã hội, khát vọng về tự do, hòa bình, về những quyền và lợi ích cơ bản, về sự phát triển năng lực vốn có của bản thân... Những nhu cầu này được nảy sinh trong đời sống cộng đồng, gắn liền với một chế độ xã hội, một nhà nước cụ thể. Nhu cầu của cá nhân phải phù hợp với hoàn cảnh sống, với điều kiện thực tế của đất nước, kết hợp hài hòa với quyền lợi, nghĩa vụ đối với cộng đồng, xã hội. Đây là những nhu cầu chính đáng của con người, cần được đáp ứng. Trong đó có những nhu cầu quan trọng, gắn liền với sự tồn tại và phát triển của con người, cần được thực hiện trước, có những nhu cầu có thể thực hiện dần dần. Những nhu cầu này phải trở thành phổ biến đối với mọi người, thể hiện tính cần thiết đối với cộng đồng người. Nếu nhu cầu chỉ là mong muốn mang tính cá nhân, không đại diện cho cộng đồng thì chưa thể trở thành quyền của con người.

*Thứ hai*, những nhu cầu của con người phải được xã hội thừa nhận. Việc thừa nhận có thể thông qua sự ghi nhận và bảo vệ bằng hệ thống pháp luật. Khi có hệ thống văn bản quy phạm pháp luật quy định, nhu cầu sẽ trở thành quyền, trở thành giá trị xã hội ổn định và hiện thực trong cuộc sống. Có những nhu cầu chưa được quy định trong hệ thống pháp luật

<sup>3</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Sđđ.*, t.1, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.874

nhưng đã thể hiện được sự đúng đắn, cần thiết cho cuộc sống con người thì sớm muộn cũng sẽ được xã hội thừa nhận và pháp luật quy định. Việc pháp luật ghi nhận chỉ là những quy định tối thiểu, quyền của con người cần vượt ra khỏi khuôn khổ đó, đó là sự ghi nhận, là quy ước, luật lệ tồn tại trong cộng đồng, xã hội đó, được mọi người biết đến, thừa nhận và mong muốn được thực hiện, mặc dù chưa được quy định trong hệ thống pháp luật vẫn là những quyền con người.

Các quyền con người được thừa nhận phải phù hợp với chế độ chính trị, kinh tế, xã hội, lịch sử... của mỗi quốc gia nhất định. Luật pháp không phải là những biện pháp đàn áp tự do, mà là tiêu chuẩn rõ ràng, phổ biến, không phụ thuộc vào sự tùy tiện của cá nhân riêng lẻ. Nhờ đó, quyền con người trở lên phổ biến và được hiện thực hóa trong toàn xã hội.

*Thứ ba*, quyền con người không bị tước bỏ bởi bất cứ giai cấp, tầng lớp nào. Quyền con người là những giá trị nhân văn cao quý, là mong muốn của con người được vươn tới giá trị của tự do, bình đẳng, hạnh phúc, là sự khẳng định bản thân trước tự nhiên và xã hội, lịch sử đấu tranh cho quyền con người là lịch sử đấu tranh đầy máu và nước mắt của nhân loại, vì vậy những quyền mà con người đã có cần được tôn trọng và bảo vệ, bất cứ ai, bất cứ chính thể nào cũng không được xóa bỏ quyền con người.

Khi bàn về khái niệm quyền con người, Liên hợp quốc cho rằng, quyền con người

“được hiểu chung là những quyền cấu thành và vốn có của con người”<sup>4</sup>. Quyền con người là những gì thuộc về con người, không thể bị tách rời, với những quyền đó, nó cho phép con người được tồn tại theo đúng nghĩa là con người, chỉ con người mới có. Quyền con người là cái thuộc về mỗi con người, không có sự phân biệt về quốc gia, dân tộc, giới tính, tôn giáo, quan điểm chính trị... Quan điểm này tương đồng với quan niệm của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác khi đều khẳng định nhân quyền là cái vốn có của con người, để con người khẳng định và thể hiện sức mạnh của mình trước tự nhiên và xã hội, là sự khẳng định và đảm bảo những quyền, nhu cầu thiết yếu của mình trong cuộc sống, và sự cần thiết phải được xã hội ghi nhận và bảo vệ.

## 2. Về nguồn gốc quyền con người

Kể thừa quan điểm tiền bộ của các trường phái triết học trước, C.Mác và Ph.Ăngghen đã đưa ra quan niệm duy vật biện chứng về nguồn gốc của quyền con người. Quyền con người không phải là thiên phú, không phải do Thượng đế ban cho, không phải do một thế lực trong xã hội ban tặng, mà được phát sinh từ mối quan hệ giữa người với người, phản ánh nhu cầu của con người về tự do, bình đẳng, quyền lợi và nghĩa vụ. Quyền con người gắn liền với lịch sử loài người, có

<sup>4</sup> Hoàng Mai Hương, Nguyễn Hồng Hải (2010), *Tư tưởng của V.I.Lênin về quyền con người và giá trị thực tiễn ở Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.16.

mối quan hệ mật thiết và chịu sự chi phối của cơ sở kinh tế - xã hội ở từng thời kỳ lịch sử. Xuất phát từ quan điểm con người là một thực thể sinh học - xã hội, bản chất con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội, các ông đã khẳng định quyền con người ra đời dựa trên hai nguồn gốc tự nhiên và xã hội.

*Thứ nhất, quyền con người có nguồn gốc tự nhiên.* Bản thân con người xuất phát từ tự nhiên và trải qua một quá trình tiến hóa lâu dài cùng với giới tự nhiên. Trong quá trình sinh sống, những thay đổi của môi trường sống và những đòi hỏi ngày càng cao của cuộc sống là cơ sở để con người phải vận động và biến đổi. Trải qua quá trình lao động, với việc chế tạo ra công cụ lao động, sự ra đời của ngôn ngữ, tiếng nói, chữ viết đã biến loài vượn trở thành người. Con người xuất phát từ tự nhiên, là một phần của tự nhiên, do vậy cũng mang bản chất tự nhiên (cũng có thể gọi là bản chất sinh học). Ngay cả khi bước vào xã hội, mang bản chất xã hội, con người vẫn không mất đi bản chất sinh học. Vì lẽ đó, C.Mác và Ph.Ăngghen cho rằng, quyền con người cũng có nguồn gốc tự nhiên: "Nhưng vì quyền của con người cũng được gọi là quyền tự nhiên, bẩm sinh... do đó quyền ấy là do tự nhiên đem lại cho tôi, tức là do sự ra đời mang lại"<sup>5</sup>.

*Thứ hai, quyền con người có nguồn gốc xã hội.* Quyền con người là một hiện tượng lịch sử - xã hội, gắn liền với sự ra đời của giai cấp, đấu tranh giai cấp và tiến bộ xã hội, quyền con người được "sản

sinh ra trong lịch sử"<sup>6</sup>. Trong xã hội chưa có sự phân chia giai cấp (xã hội cộng sản nguyên thủy), chưa có áp bức, bóc lột, quan hệ xã hội sơ khai và đơn nhất, nên những ý niệm về quyền con người chưa được đặt ra. C.Mác viết: "Quyền của con người, mà con người này không thể là con người của nước cộng hòa cổ đại cũng như những quan hệ kinh tế và công nghiệp của anh ta không phải là quan hệ của thời cổ đại"<sup>7</sup>. Khi chế độ chiếm hữu nô lệ ra đời, xuất hiện giai cấp chủ nô - nô lệ, có áp bức, bóc lột, nhà nước đã ra đời để bảo vệ cho quyền lợi của giai cấp thống trị và bắt đầu có sự chống lại những áp bức, bóc lột đó để giành những quyền và lợi ích chính đáng cho mình. Những ý tưởng đầu tiên về quyền con người đã ra đời. Đó chính là cơ sở và nguồn gốc hiện thực của quyền con người. C.Mác cho rằng, quyền con người phát sinh "từ những quan hệ vật chất giữa người với người và từ sự đấu tranh giữa người với người do những quan hệ đó gây ra"<sup>8</sup>. Quyền con người không phải được suy ra từ "ý niệm" mang tính chủ quan mà xuất phát từ trong lòng xã hội. Quyền con người là một giá trị xã hội, thúc đẩy xã hội phát triển phù hợp với quy luật khách quan của lịch sử. Trải qua những chế độ xã hội khác nhau, qua quá trình tồn tại và phát triển, những quyền

<sup>5</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen (1995). *Sđđ*. t.3, Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội, tr.469.

<sup>6</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen (1995). *Sđđ*. t.2, tr.173.

<sup>7</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen (1995). *Sđđ*. t.2, tr.186.

<sup>8</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen (1995). *Sđđ*. t.3, tr.456.

con người ngày càng được bổ sung hoàn thiện nhằm đưa đến sự tự do và phát triển toàn diện cho con người, hướng tới cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc.

Quyền con người do chính sự phát triển của con người tạo ra. Trong quá trình sống, con người phải có mối quan hệ với tự nhiên và xã hội; trong quá trình chinh phục tự nhiên, họ cấu kết với nhau tạo thành cộng đồng, xã hội. Điều đó đã làm phát triển ý thức xã hội của con người, họ biết giúp đỡ, hợp tác với nhau. Qua quá trình sinh sống và lao động, con người đòi hỏi mình phải được đảm bảo những quyền và lợi ích cơ bản, được tự do, đối xử bình đẳng. Quyền con người đã được nảy sinh từ đây. Để trở thành "người" thì mỗi cá nhân luôn phải tồn tại trong một xã hội nhất định; xã hội mang lại tự do, sức mạnh và đáp ứng nhu cầu cho mỗi cá nhân, "nếu như con người bẩm sinh đã là sinh vật có tính xã hội thì do đó con người chỉ có thể phát triển bản tính chân chính của mình trong xã hội và cần phải phán đoán lực lượng của bản tính của anh ta, không phải căn cứ vào lực lượng của cá nhân riêng lẻ mà căn cứ vào lực lượng của toàn xã hội"<sup>9</sup>. Ngược lại, đóng góp của mỗi cá nhân tạo thành sức mạnh và thịnh vượng của cộng đồng. Khi nhà nước ra đời đã góp phần bảo vệ quyền con người tốt hơn, điều này thể hiện rõ nhất nguồn gốc xã hội của quyền con người.

Quyền con người là sản phẩm của sự phát triển kinh tế - xã hội nhất định, chính

sự phát triển của sản xuất, cụ thể là sự phát triển của phương thức sản xuất và sự chiếm hữu tư nhân tư liệu sản xuất đã làm nảy sinh quyền con người. Sự thực thi, đảm bảo quyền con người ở mức độ nào là do trình độ phát triển kinh tế - xã hội đó quyết định.

Giữa nguồn gốc tự nhiên và xã hội có mối quan hệ mật thiết với nhau, cùng là cơ sở để tạo nên quyền, đặc điểm và bản chất của quyền con người. Nguồn gốc tự nhiên đã hình thành tính phổ biến, tính nhân loại của quyền, còn nguồn gốc xã hội tạo ra tính lịch sử, tính giai cấp, tính đặc thù của quyền con người.

### 3. Về đặc điểm và bản chất của quyền con người

#### 3.1. Đặc điểm của quyền con người

Thứ nhất, C.Mác và Ph.Ăngghen khẳng định, quyền con người mang tính lịch sử và biến đổi trong lịch sử. Quyền con người không phải là khái niệm được sinh ra từ ý thức con người, không phải là một khái niệm trừu tượng, bất biến, mà luôn vận động, biến đổi và phát triển, gắn với cuộc đấu tranh chống áp bức và bóc lột, gắn với trình độ tiến bộ xã hội trong từng thời kỳ lịch sử, hay nói cách khác, gắn liền với điều kiện lịch sử - xã hội cụ thể ở một giai đoạn lịch sử nhất định, gắn với phương thức sản xuất, với quan hệ sản xuất thống trị quy định nên chế độ chính trị - xã hội ấy. Theo C.Mác, quyền con người không phải là bẩm sinh, mà là

<sup>9</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen (1995). *Sđđ.*, t.2, tr.200.

sản phẩm của lịch sử. Quyền con người không tồn tại một cách chung chung, áp dụng cho mọi quốc gia và chế độ chính trị, mà luôn gắn liền với chế độ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội ở một giai đoạn nhất định, đặc biệt là phụ thuộc vào chế độ kinh tế, vào phương thức để thực hiện quyền sở hữu đối với tư liệu sản xuất, "quyền không bao giờ có thể ở mức cao hơn chế độ kinh tế và sự phát triển văn hóa do chế độ kinh tế đó quyết định"<sup>10</sup>. Với những cơ sở kinh tế - xã hội và thời đại khác nhau thì quyền cũng khác nhau.

Qua quá trình lao động sản xuất, con người ngày càng nhận thức đầy đủ hơn về quyền con người, và quyền con người cũng có những thay đổi nhất định cho phù hợp với sự phát triển của lịch sử. Trong xã hội cộng sản nguyên thủy, chưa có sự phân chia giai cấp, thì tất cả mọi người đều bình đẳng và tự do, kể cả phụ nữ, chưa có nô lệ và chưa có sự nô dịch những bộ lạc khác. Khi xã hội xuất hiện giai cấp, nhà nước, có bóc lột và bất công thì quyền con người đã được áp dụng khác nhau với những tầng lớp khác nhau. Khi đó, "quyền mang tên thị tộc. Quyền này được duy trì mãi cho đến thời đại đế chế; người ta cho phép những nô lệ đã được giải phóng được lấy tên thị tộc của chủ cũ của họ, nhưng họ vẫn không có những quyền của các thành viên thị tộc"<sup>11</sup>. Từ khi giai cấp tư sản bước lên vũ đài chính trị và bắt đầu nền thống trị của nó, thì "quyền con người không còn chi tồn tại trên lý luận nữa"<sup>12</sup>,

quyền con người đã trở thành một hệ thống lý luận và gắn liền với đời sống thực tiễn và cuộc đấu tranh giành quyền con người đã trở lên mạnh mẽ và diễn ra khắp thế giới. Với mỗi chế độ xã hội khác nhau, nội dung của quyền con người cũng khác nhau, ngày càng được bổ sung đầy đủ, từ quyền cá nhân đến quyền tập thể, từ quyền chính trị, dân sự đến các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa và do điều kiện thời đại khác nhau nên tiêu chuẩn đánh giá cũng khác nhau.

*Thứ hai*, theo C.Mác và Ph.Ăngghen, quyền con người mang *tính giai cấp*. Từ khi công xã nguyên thủy tan rã đến nay, lịch sử loài người là lịch sử đấu tranh giai cấp giữa giai cấp thống trị và giai cấp bị thống trị. Quyền con người bị chi phối bởi lợi ích, quyền lực và ý thức hệ của giai cấp thống trị, luôn mang tính giai cấp rõ rệt, tự do của giai cấp thống trị là sự hạn chế tự do của giai cấp bị trị. Chẳng hạn như, "chế độ phong kiến,... sự bất bình đẳng của nó chẳng qua chỉ là sự khúc xạ muôn màu của sự bình đẳng mà thôi"<sup>13</sup>. C.Mác viết: "Trong mọi thời đại, những tư tưởng của giai cấp thống trị là những tư tưởng thống trị. Điều đó có nghĩa là giai cấp nào là lực lượng vật chất thống trị trong xã hội thì cũng là lực lượng tinh thần thống trị trong xã hội"<sup>14</sup>.

<sup>10</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen (1995). *Sđđ.*, t.19, tr.36.

<sup>11</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen (1995). *Sđđ.*, t.21, tr.184.

<sup>12</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen (1995). *Sđđ.*, t.2, tr.187.

<sup>13</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen (1995). *Sđđ.*, t.1, tr.183.

<sup>14</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen (1995). *Sđđ.*, t.3, tr.66.

Rằng, “những tư tưởng thống trị của một thời đại bao giờ cũng chỉ là những tư tưởng của giai cấp thống trị”<sup>15</sup>. Trong xã hội tư bản chủ nghĩa, quyền con người chỉ thuộc về giai cấp thống trị, đó là “quyền tự do chiếm hữu tư liệu sản xuất”, “quyền bóc lột một cách công nhiên”, “quyền vị kỷ chủ nghĩa”. Trong xã hội có sự phân chia giai cấp đó, pháp luật cũng chỉ bảo vệ cho quyền lợi của giai cấp thống trị, điều này cũng tạo ra sự bất bình đẳng trong xã hội và “xét theo quan điểm pháp quyền tư nhân, đây cũng có hai thứ quyền: pháp quyền tư nhân của kẻ chiếm hữu và pháp quyền tư nhân của người không chiếm hữu”<sup>16</sup>. Giai cấp tư sản chỉ thừa nhận những quyền con người có lợi cho họ, còn những giai cấp, tầng lớp khác trong xã hội ít được công nhận và có sự bảo vệ quyền.

*Thứ ba*, quyền con người mang tính phổ biến và tính đặc thù. Tính phổ biến của quyền con người thể hiện ở chỗ các quyền con người là những gì bẩm sinh, vốn có của con người; là một giá trị chung, phản ánh nhu cầu tự nhiên khách quan và mục đích hướng tới của con người; là sản phẩm của sự phát triển lịch sử nhân loại. Quyền con người phải được đảm bảo ở tất cả các quốc gia, các khu vực và cho tất cả mọi người, không phân biệt chủng tộc, giai cấp, giới tính, tôn giáo, nghề nghiệp, độ tuổi...; nó “đòi hỏi phải từ cái thuộc tính chung là con người, từ sự bình đẳng của mọi người với tư cách là con người, rút ra cái

quyền có một giá trị ngang nhau về chính trị và xã hội cho tất cả mọi người, hay ít ra là cho mọi công dân trong một nước, hay cho mọi thành viên trong một xã hội”<sup>17</sup>. Những quyền cụ thể của con người cũng được coi là phổ biến, thuộc về tất cả mọi người, “không một người nào chống lại tự do... chỉ có điều là trong trường hợp này thì với đặc quyền riêng, trong trường hợp khác thì với tư cách là một quyền chung”<sup>18</sup>, hay “đặc quyền tín ngưỡng là một quyền phổ biến của con người”<sup>19</sup>. Tính phổ biến cũng bao hàm ý nghĩa có thể áp dụng đối với tất cả các giai đoạn phát triển của lịch sử. Do vậy, tính phổ biến là thuộc tính hữu cơ của quyền con người.

*Tính đặc thù* của quyền con người được biểu hiện cụ thể trong mối quan hệ giữa cá nhân với nhà nước, giữa lợi ích riêng với lợi ích chung, đồng thời thể hiện tính giai cấp, tính lịch sử trong những xã hội cụ thể. Theo Ph.Ăngghen, “tính chất đặc thù tư sản của những quyền của con người ấy: Hiến pháp của nước Mỹ, hiến pháp đầu tiên thừa nhận quyền của con người, đồng thời cũng lại chuẩn y luôn cả chế độ nô lệ của người da màu đang tồn tại ở nước Mỹ; đặc quyền giai cấp bị cầm chi, đặc quyền chủng tộc được thần thánh hóa”<sup>20</sup>. Giữa tính đặc thù và tính phổ biến

<sup>15</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Sđđ.*, t.4, tr.625.

<sup>16</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Sđđ.*, t.1, tr.188.

<sup>17</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Sđđ.*, t.20, tr.149.

<sup>18</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Sđđ.*, t.1, tr.85.

<sup>19</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Sđđ.*, t.1, tr.549.

<sup>20</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Sđđ.*, t.20, tr.153.



của quyền con người trong xã hội tư sản có sự tách rời, biệt lập nhau. Giai cấp thống trị đã biến lợi ích đặc thù của mình thành lợi ích phổ biến của xã hội. Cái đặc thù được thể hiện ra là sự riêng biệt để bảo vệ quyền lợi cho giai cấp thống trị, do những điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội quy định.

Quyền con người là sự thống nhất biện chứng giữa tính phổ biến và tính đặc thù. C.Mác đã chỉ ra rằng, xét đến cùng, những quyền con người mang tính đặc thù đều là sự thể hiện tính phổ biến của nó. Con người là "con người mang tính loài" - phổ biến, đồng thời con người phải sống trong một xã hội nhất định với một phương thức sản xuất nhất định, do vậy tính phổ biến và tính đặc thù cùng tồn tại và thống nhất với nhau. Tính đặc thù khi thể hiện được sự hợp lý, được áp dụng ở nhiều nước, nhiều khu vực sẽ dần trở thành tính phổ biến.

*Thứ tư*, quyền con người còn mang tính nhân loại sâu sắc. Từ khi xã hội có sự phân chia giai cấp thành giai cấp thống trị và giai cấp bị thống trị, có áp bức, bóc lột và sự đấu tranh chống lại áp bức đó, không phải ở một nước mà trên phạm vi thế giới, quyền con người là kết quả của cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ của các giai cấp, dân tộc bị áp bức nhằm lật đổ ách thống trị, xóa bỏ bất công, bất bình đẳng, giành những quyền cơ bản và lợi ích cho con người. Sự nghiệp giải phóng ấy gắn liền với xã hội, với lịch sử thế giới, là sự nghiệp chung của tất cả các

quốc gia, dân tộc, "sự giải phóng mỗi cá nhân riêng rẽ cũng sẽ được thực hiện theo chừng mực lịch sử sẽ hoàn toàn biến thành lịch sử thế giới"<sup>21</sup> và sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người. Thành tựu về quyền con người cũng là thành tựu của nhân loại, mọi người đều được thụ hưởng. Vì vậy, quyền con người mang tính nhân loại sâu sắc.

### 3.2. Bản chất của quyền con người

Xuất phát quan niệm coi từ con người là một thực thể thống nhất giữa mặt tự nhiên và mặt xã hội, mang bản chất là "tổng hòa các mối quan hệ xã hội", là "cộng đồng chân chính của con người"<sup>22</sup>, các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác đã khẳng định quyền con người, mang bản chất xã hội, phản ánh các mối quan hệ xã hội của con người. Để tồn tại và phát triển, con người trước hết phải thỏa mãn những nhu cầu vật chất của mình (ăn, ở, mặc...), sau đó là nhu cầu tinh thần, điều đó đòi hỏi mỗi người phải lao động sản xuất, phải có mối quan hệ với cộng đồng, xã hội, chịu sự ràng buộc của mọi quan hệ xã hội. Mặt khác, con người cần có sức mạnh để chống lại lực lượng tự nhiên và xã hội, sức mạnh đó chỉ có được khi con người ở trong một cộng đồng xã hội, sức mạnh của cộng đồng sẽ mang lại sức mạnh cho mỗi cá nhân. C.Mác viết: "Chỉ có trong cộng đồng, cá

<sup>21</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen (1995). *Sđđ.* t.3, tr.53.

<sup>22</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen (1995). *Sđđ.* t.1, tr.814.

nhân mới có được những phương tiện để có thể phát triển toàn diện những năng khiếu của mình, và do đó, chỉ có trong cộng đồng mới có tự do cá nhân<sup>23</sup>. Chỉ có trong xã hội và thông qua xã hội, con người mới có được quyền đích thực của mình và thực hiện được những quyền đó. Con người càng đạt được sự tự do và tăng thêm sức mạnh cho mình khi con người có những mối quan hệ xã hội và quan hệ với giới tự nhiên ngày càng phong phú và thiết thực. Vì vậy, quyền con người phát triển theo sự phát triển của xã hội, gắn với sự phát triển của xã hội và bản chất của quyền con người là ở trong xã hội, do xã hội mang lại. Xã hội chính là nhân tố quan trọng trong sự thừa nhận, đảm bảo và bảo vệ quyền con người. C.Mác viết: “Vì vậy, hiển nhiên khi những cá nhân là những người mang những chức năng và quyền lực nhà nước thì những cá nhân đó phải được xem xét căn cứ theo phẩm chất xã hội của họ, chứ không phải căn cứ theo phẩm chất tự nhiên của họ<sup>24</sup>”

Để con người có được tự do và quyền thì họ phải sống trong xã hội, cùng với thiết chế nhà nước, chính trị, pháp luật để bảo vệ cho những quyền đó, chính điều này mang lại bản chất xã hội của quyền con người còn bản chất tự nhiên cấu thành nên con người không phải là bản chất của quyền. C.Mác và Ph.Ăngghen khẳng định: “Vì sự sinh đẻ chỉ đem lại cho con người sự tồn tại cá nhân... còn những tính quy định nhà nước như quyền lập pháp... thì

lại là những sản phẩm xã hội, là những con đẻ của xã hội, chứ không phải là những sản phẩm của cá nhân tự nhiên<sup>25</sup>, chính bản chất xã hội, bản chất giai cấp đã quy định nên bản chất của quyền con người và đó chính là bản chất xã hội của quyền con người.

Như vậy, có thể nói, quan niệm của C.Mác và Ph.Ăngghen về quyền con người là một hệ thống lý luận khoa học, mang tính cách mạng. Với các ông, tồn tại và phát triển, con người luôn phải sống trong cộng đồng xã hội, có những nhu cầu và cần được đáp ứng những nhu cầu về mặt kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Những nhu cầu này được xã hội thừa nhận, được pháp luật bảo vệ và trở thành quyền con người. Những quyền con người có mối quan hệ mật thiết với nhau, tạo nên một thể thống nhất, tạo điều kiện để con người được tự do và phát triển toàn diện năng lực bản thân. Quá trình hiện thực hóa các quyền con người cũng là quá trình con người đấu tranh tự giải phóng mình và đấu tranh nhằm thực thi quyền con người. Quan niệm này được các ông xây dựng trên cơ sở khoa học và cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng, do vậy nó vẫn còn nguyên giá trị và ý nghĩa hiện thời, làm cơ sở lý luận cho việc xây dựng quan điểm, đường lối và chính sách của Đảng, Nhà nước ta về quyền con người. □

<sup>23</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Sđđ.*, t.3, tr.108.

<sup>24</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Sđđ.*, t.1, tr.337.

<sup>25</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Sđđ.*, t.1, tr.271.